TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2023/QĐST-DS	*Cầu Ngang, ngày 03 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 62/2022/TLST-DS, ngày 02 tháng 12 năm 2022,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thạch B, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Trương Long P, sinh năm 1992 (Bệnh tâm thần).

Người đại diện hợp pháp của anh Trương Long P: Bà Thạch Thị T, sinh năm 1959. Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về số tiền phải bồi thường*: Ông Thạch B và bà Thạch Thị T là người đại diện hợp pháp của anh Trương Long P tự nguyện thỏa thuận như sau: Bà Thạch Thị T tự nguyện bồi thường tất cả các khoản chi phí do sức khỏe bị xâm phạm cho ông Thạch B với tổng số tiền 132.973.712 đồng.

- *Về thời gian trả:* Ông Thạch B và bà Thạch Thị T là người đại diện hợp pháp của anh Trương Long P tự nguyện thỏa thuận do Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền theo quy định của pháp luật giải quyết theo Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- ***Về án phí***:

+ Ông Thạch B tự nguyện nộp 1.662.171 đồng. Tuy nhiên ông Thạch B có đơn xin miễn án phí do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định tại điểm d Điều 12, 14, 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ông Thạch B được miễn án phí.

+ Bà Thạch Thị T tự nguyện nộp 1.662.171 đồng. Tuy nhiên bà T thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12, 14, 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà T được miễn án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Ngọc Hùng Anh